

Số: **300/2020/QĐST-HNGĐ**

*Đông Anh, ngày 26 tháng 6 năm 2020*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 297/2020/TLST- HNGĐ ngày 15/6/2020, giữa:

**NguX đơn:** Chị **Cao Thị X**, sinh năm 1988.

**Bị đơn:** Anh **Trần Minh Y**, sinh năm 1983.

Đều có hộ khẩu thường trú: Tổ 6, phường A, quận B, Thành phố Hà Nội.

Tạm trú: Thôn C, xã D, huyện E, Thành phố Hà Nội.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 18/6/2020.

**XÉT THẤY**

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 18/6/2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH**

1. **Công nhận thuận tình ly hôn giữa:** Chị Cao Thị X và anh Trần Minh Y.

2. **Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chị Cao Thị X và anh Trần Minh Y thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 129, quyển số 01 ngày 28/11/2007 của Ủy ban nhân dân phường A, quận B, Thành phố Hà Nội cấp cho chị Cao Thị X và anh Trần Minh Y không còn giá trị pháp lý.

- **Về con chung:** Chị X, anh Y có 02 con chung là cháu Trần Yên M, sinh ngày 30/5/2008 và cháu Trần Khánh N, sinh ngày 21/11/2012.

Ly hôn, chị X trực tiếp nuôi dưỡng cháu N, anh Thanh trực tiếp nuôi dưỡng cháu M và hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung cho đến khi các con chung thành niên hoặc khi có sự thay đổi khác.

Chị X, anh Y đều có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

- **Về tài sản chung, công nợ:** Chị X, anh Y đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về án phí:** Án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng, chị X chịu cả, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị X đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: **16304** ngày 10/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Anh. Chị X được hoàn trả 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng.

**3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.**

**Thẩm phán**

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Đông Anh;
- Các đương sự;
- UBND phường A, quận B, Hà Nội;
- Lưu hồ sơ.

**Nguyễn Lâm Bình**

